



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHÓA T20YDH A-B

MÔN: Sinh Học Đại Cương * SỐ TÍN CHỈ: 2

MÃ MÔN: BIO101

Học kỳ : 1

Thời gian: 18h00 - 17/01/2015

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
1	2026522002	Nguyễn Tuấn Anh	T20YDH1A	9		9							5.2	6.9	Sáu Phẩy Chín	
2	2026522004	Trần Hữu Ánh	T20YDH1A	8		8.5							5.7	6.9	Sáu Phẩy Chín	
3	2026522018	Trương Phú Dũng	T20YDH1A	9		9							6.4	7.6	BảyPhẩy Sáu	
4	2026522040	Kim Hoàng Giang Hùng	T20YDH1A	7.5		8.5							5.2	6.5	Sáu Phẩy Năm	
5	2026522041	Võ Ngọc Bảo Hưng	T20YDH1A	8		7.5							5.5	6.5	Sáu Phẩy Năm	
6	2026522050	Phạm Minh Kha	T20YDH1A	8		8							5.9	6.8	Sáu Phẩy Tám	
7	2026522054	Võ Vĩnh Khương	T20YDH1A	8		9							5.8	7.1	Bảy Phẩy Một	
8	2026522064	Trần Việt Linh	T20YDH1A	8		9							5.2	6.8	Sáu Phẩy Tám	
9	2026522074	Đình Văn Minh	T20YDH1A	8		8.5							6	7.1	Bảy Phẩy Một	
10	2026522077	Phan Nhật Nam	T20YDH1A	8		8							6.8	7.3	Bảy Phẩy Ba	
11	2026522100	Hồ Đắc Phúc	T20YDH1A	8.5		8.5							5.8	7.0	Bảy	
12	2026522119	Võ Văn Tây	T20YDH1A	8		8.5							5.8	6.9	Sáu Phẩy Chín	
13	2026522152	Nguyễn Bá Tín	T20YDH1A	8.5		8.5							6.8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
14	2026522154	Đỗ Công Toàn	T20YDH1A	8		8.5							5.8	6.9	Sáu Phẩy Chín	
15	2026522155	Ngô Thanh Tông	T20YDH1A	0		0							0	0.0	Không	
16	2026522172	Nguyễn Hữu Tuấn	T20YDH1A	8		8.5							7.3	7.8	Bảy Phẩy Tám	
17	2026522186	Phan Công Lộc	T20YDH1A	8.5		9							6.4	7.5	Bảy Phẩy Năm	
18	2026522190	Thái Ngọc Phi	T20YDH1A	0		0							0	0.0	Không	
19	2027522005	Phan Thị Kim Ánh	T20YDH1A	8.5		8.5							0	0.0	Không	
20	2027522015	Đình Thị Dung	T20YDH1A	8.5		8.5							3.1	0.0	Không	
21	2027522016	Hồ Thị Dung	T20YDH1A	8		9							5	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
22	2027522022	Nguyễn Thị Việt Hà	T20YDH1A	8.5		8.5							5.4	6.8	Sáu Phẩy Tám	
23	2027522023	Nguyễn Thị Thu Hà	T20YDH1A	8		9							7.9	8.2	Tám Phẩy Hai	
24	2027522024	Nguyễn Lê Thanh Hà	T20YDH1A	7		7.5							5.3	6.2	Sáu Phẩy Hai	
25	2027522026	Nguyễn Thị Thu Hạ	T20YDH1A	8		9							6.3	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
26	2027522032	Phạm Thị Thu Hằng	T20YDH1A	8		8							6	6.9	Sáu Phẩy Chín	
27	2027522035	Nguyễn Thị Thu Hiền	T20YDH1A	8		8							5.9	6.8	Sáu Phẩy Tám	
28	2027522037	Võ Thị Hoa	T20YDH1A	8		7.5							4.4	5.9	Năm Phẩy Chín	
29	2027522046	Huỳnh Nguyễn Triệu Huyền	T20YDH1A	8		8.5							4.6	6.3	Sáu Phẩy Ba	
30	2027522053	Trần Thị Bích Khuê	T20YDH1A	8.5		8.5							5.3	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
31	2027522057	Trần Thị Hương Lan	T20YDH1A	8		7.5							6.3	6.9	Sáu Phẩy Chín	
32	2027522062	Ngô Thị Liên	T20YDH1A	8.5		8							5.5	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
33	2027522071	Võ Nữ Ly Ly	T20YDH1A	8		8.5							4.9	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
34	2027522079	Phạm Thị Nga	T20YDH1A	8		8							6.5	7.2	Bảy Phẩy Hai	
35	2027522081	Lê Thị Việt Nga	T20YDH1A	8		8							5.4	6.6	Sáu Phẩy Sáu	



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHÓA T20YDH A-B

MÔN: Sinh Học Đại Cương * SỐ TÍN CHỈ: 2

MÃ MÔN: BIO101

Học kỳ : 1

Thời gian: 18h00 - 17/01/2015

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
36	2027522082	Hồ Thanh Nga	T20YDH1A	8		9							6.1	7.3	Bảy Phẩy Ba	
37	2027522086	Phan Thị Ngọc	T20YDH1A	8.5		9							5	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
38	2027522092	Lê Thị Cẩm Nhung	T20YDH1A	8		7							5.9	6.5	Sáu Phẩy Năm	
39	2027522093	Nguyễn Thị Nhung	T20YDH1A	8		8.5							4.8	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
40	2027522096	Dương Thị Diệu Oanh	T20YDH1A	8		9							7.4	8.0	Tám	
41	2027522101	Nguyễn Thị Kim Phụng	T20YDH1A	8		8.5							5.1	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
42	2027522104	Hoàng Lê Thu Phương	T20YDH1A	8		8							6.6	7.2	Bảy Phẩy Hai	
43	2027522105	Phan Thị Xuân Phương	T20YDH1A	8		8.5							6.4	7.3	Bảy Phẩy Ba	
44	2027522106	Nguyễn Thị Phụng	T20YDH1A	8.5		8							2.6	0.0	Không	
45	2027522110	Đỗ Trần Hồng Quyên	T20YDH1A	8.5		8.5							5	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
46	2027522121	Trần Thị Hoài Thanh	T20YDH1A	8		8.5							5.7	6.9	Sáu Phẩy Chín	
47	2027522124	Cao Thị Ánh Thành	T20YDH1A	8		8.5							5.9	7.0	Bảy	
48	2027522133	Đoàn Thị Thanh Thảo	T20YDH1A	8.5		7.5							5.3	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
49	2027522138	Hoàng Thị Thu	T20YDH1A	8		7							5	6.1	Sáu Phẩy Một	
50	2027522139	Nguyễn Anh Thư	T20YDH1A	8		8.5							5.9	7.0	Bảy	
51	2027522140	Lê Thị Hoài Thương	T20YDH1A	8.5		7.5							4.3	5.9	Năm Phẩy Chín	
52	2027522142	Phan Thị Hoài Thương	T20YDH1A	8		7							4.6	5.8	Năm Phẩy Tám	
53	2027522143	Huỳnh Thị Thanh Thúy	T20YDH1A	8		8.5							6.2	7.2	Bảy Phẩy Hai	
54	2027522145	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	T20YDH1A	8.5		8.5							5.9	7.1	Bảy Phẩy Một	
55	2027522156	Võ Thị Thùy Trâm	T20YDH1A	8		9							5	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
56	2027522176	Đoàn Thị Ánh Tuyết	T20YDH1A	8		8.5							4.6	6.3	Sáu Phẩy Ba	
57	2027522181	Văn Thị Vân	T20YDH1A	8.5		7.5							4.4	5.9	Năm Phẩy Chín	
58	2027522183	Huỳnh Thị Hồng Vân	T20YDH1A	8		8.5							6.6	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
59	2027522188	Trần Lê Yên Ngọc	T20YDH1A	8.5		8.5							3.1	0.0	Không	
60	2027522189	Ngô Thị Vân Phương	T20YDH1A	8		8.5							2.7	0.0	Không	
61	2027522192	Trần Ngọc Đoan Trang	T20YDH1A	7		9							5.4	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
62	2027522193	Lê Thị Yên	T20YDH1A	8		7.5							5.7	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
63	2027522194	Trần Thị Minh Hiền	T20YDH1A	8		8							5.2	6.5	Sáu Phẩy Năm	
64	2027522195	Nguyễn Thị Bé Út	T20YDH1A	8		9							6.3	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
65	2027522201	Võ Thị Yên	T20YDH1A	8		9							4.5	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
66	2027522205	Lê Nhật Tuyền	T20YDH1A	8		8							6.6	7.2	Bảy Phẩy Hai	
67	2027522207	Đặng Thị Minh Huyền	T20YDH1A	8		8.5							4.8	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
68	2027522211	Huyền Tôn Nữ Khán Ngọc	T20YDH1A	8		9							6.6	7.5	Bảy Phẩy Năm	
69	2027522214	Võ Thị Diệu My	T20YDH1A	8.5		9.5							5.8	7.3	Bảy Phẩy Ba	
70	2027522220	Phan Thị Kim Oanh	T20YDH1A	8.5		7.5							5.8	6.7	Sáu Phẩy Bảy	



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHÓA T20YDH A-B

MÔN: Sinh Học Đại Cương * SỐ TÍN CHỈ: 2

MÃ MÔN: BIO101

Học kỳ : 1

Thời gian: 18h00 - 17/01/2015

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
71	2027522222	Lê Thị Bích Ngọc	T20YDH1A	8		8							5.9	6.8	Sáu Phẩy Tám	
72	2026522012	Võ Chí Đạt	T20YDH2A	8		8.5							5.4	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
73	2026522014	Phạm Văn Đông	T20YDH2A	8		8.5							4.6	6.3	Sáu Phẩy Ba	
74	2026522019	Nguyễn Ngọc Dũng	T20YDH2A	8.5		7.5							7.1	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
75	2026522047	Nguyễn Văn Huyền	T20YDH2A	8		8.5							5.2	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
76	2026522102	Lý Minh Phụng	T20YDH2A	8		8							5.8	6.8	Sáu Phẩy Tám	
77	2026522108	Trần Vinh Quang	T20YDH2A	8		8							4.4	6.0	Sáu	
78	2026522118	Phan Thanh Tạo	T20YDH2A	8		7							5.6	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
79	2026522122	Trần Viết Thành	T20YDH2A	8		8							6.5	7.2	Bảy Phẩy Hai	
80	2026522126	Lê Quang Thành	T20YDH2A	8		8.5							7.1	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
81	2026522151	Trần Hữu Tiến	T20YDH2A	8		8.5							5.5	6.8	Sáu Phẩy Tám	
82	2026522166	Nguyễn Đức Trí	T20YDH2A	8		8.5							6.8	7.5	Bảy Phẩy Năm	
83	2026522173	Đào Thanh Tuấn	T20YDH2A	8		8							6.2	7.0	Bảy	
84	2026522175	Ngô Anh Tuấn	T20YDH2A	8		8							2.9	0.0	Không	
85	2026522208	Đoàn Anh Tuấn	T20YDH2A	8		8							5.9	6.8	Sáu Phẩy Tám	
86	2026522217	Nguyễn Song Hào	T20YDH2A	8.5		8.5							5.6	6.9	Sáu Phẩy Chín	
87	2027522009	Phan Thị Chi	T20YDH2A	8		8							5	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
88	2027522013	Lê Thị Ngọc Điểm	T20YDH2A	8		8							5.8	6.8	Sáu Phẩy Tám	
89	2027522021	Đặng Thị Hà	T20YDH2A	0		0							0	0.0	Không	
90	2027522025	Ngô Thị Thúy Hà	T20YDH2A	8.5		8							3	0.0	Không	
91	2027522028	Nguyễn Thị Ngọc Hân	T20YDH2A	8		9							5.7	7.0	Bảy	
92	2027522031	Nguyễn Thị Kim Hằng	T20YDH2A	8		9							5.2	6.8	Sáu Phẩy Tám	
93	2027522044	Nguyễn Thị Bích Hường	T20YDH2A	8.5		8.5							6.8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
94	2027522049	Huỳnh Thị Huyền	T20YDH2A	8		8							6	6.9	Sáu Phẩy Chín	
95	2027522051	Lê Thị Khải	T20YDH2A	8		8							2.3	0.0	Không	
96	2027522060	Nguyễn Lê Nhật Lệ	T20YDH2A	8		8.5							4.4	6.2	Sáu Phẩy Hai	
97	2027522061	Từ Thị Mỹ Lệ	T20YDH2A	8		9							4.6	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
98	2027522067	Lê Thị Loan	T20YDH2A	8.5		8							4.7	6.3	Sáu Phẩy Ba	
99	2027522070	Lê Thị Lưu	T20YDH2A	8.5		8.5							4	6.0	Sáu	
100	2027522073	Phan Quỳnh Mai	T20YDH2A	8		9							5.7	7.0	Bảy	
101	2027522075	Nguyễn Thị Việt Mỹ	T20YDH2A	8		8							3.7	0.0	Không	
102	2027522084	Nguyễn Thị Kim Ngân	T20YDH2A	8.5		8							4.1	5.9	Năm Phẩy Chín	
103	2027522088	Dương Thị Thanh Nguyệt	T20YDH2A	8		9							5.7	7.0	Bảy	
104	2027522094	Hoàng Thị Oanh	T20YDH2A	8		8							4.8	6.2	Sáu Phẩy Hai	
105	2027522095	Mai Thị Hoàng Oanh	T20YDH2A	8.5		9							5.6	7.1	Bảy Phẩy Một	



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHÓA T20YDH A-B

MÔN: Sinh Học Đại Cương * SỐ TÍN CHỈ: 2

MÃ MÔN: BIO101

Học kỳ : 1

Thời gian: 18h00 - 17/01/2015

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
106	2027522107	Nguyễn Thị Kim	Quang	T20YDH2A	8		8						5.6	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
107	2027522113	Nguyễn Thị Diệu	Sinh	T20YDH2A	8		8						6.4	7.1	Bảy Phẩy Một	
108	2027522114	Trịnh Thị Hồng	Sinh	T20YDH2A	8		8.5						4.9	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
109	2027522116	Nguyễn Thị Minh	Tâm	T20YDH2A	8		8.5						6.1	7.1	Bảy Phẩy Một	
110	2027522117	Trần Thị	Tâm	T20YDH2A	8		8						4.9	6.3	Sáu Phẩy Ba	
111	2027522129	Nguyễn Thị Phương	Thảo	T20YDH2A	8		8.5						6.4	7.3	Bảy Phẩy Ba	
112	2027522130	Trần Thị Phương	Thảo	T20YDH2A	8		8.5						5.7	6.9	Sáu Phẩy Chín	
113	2027522131	Đào Nguyên Anh	Thảo	T20YDH2A	8		8.5						7.6	7.9	Bảy Phẩy Chín	
114	2027522136	Quảng Thị Kim	Thoa	T20YDH2A	8		8						5	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
115	2027522141	Trần Đặng Hoài	Thương	T20YDH2A	8		8						6.4	7.1	Bảy Phẩy Một	
116	2027522148	Nguyễn Thị Thu	Thủy	T20YDH2A	8		8						5.9	6.8	Sáu Phẩy Tám	
117	2027522150	Võ Thị Anh	Tiên	T20YDH2A	8		7.5						5.2	6.3	Sáu Phẩy Ba	
118	2027522160	Lưu Thị Huyền	Trang	T20YDH2A	8		8						5.8	6.8	Sáu Phẩy Tám	
119	2027522174	Trương Thị	Tuấn	T20YDH2A	8		8.5						3.6	0.0	Không	
120	2027522177	Huỳnh Thị Phương	Uyên	T20YDH2A	8		8.5						3.5	0.0	Không	
121	2027522180	Mã Thị Hồng	Vân	T20YDH2A	8.5		8						3.5	0.0	Không	
122	2027522185	Lê Thị Kim	Vương	T20YDH2A	8		8.5						5.5	6.8	Sáu Phẩy Tám	
123	2027522191	Đặng Thị Huyền	Trang	T20YDH2A	8		8						4.9	6.3	Sáu Phẩy Ba	
124	2027522199	Lê Thị	Huyền	T20YDH2A	8.5		8.5						6	7.1	Bảy Phẩy Một	
125	2027522215	Tiêu Thị Ngọc	Diệp	T20YDH2A	8.5		9						3.7	0.0	Không	
126	2027522216	Nguyễn Thị Thanh	Tùng	T20YDH2A	8.5		9						6.7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
127	2027522221	Hồ Thị Thu	Diễm	T20YDH2A	8		8.5						6.9	7.5	Bảy Phẩy Năm	
128	2026522003	Lê Tuấn	Anh	T20YDH3A	10		7.6						4.3	6.1	Sáu Phẩy Một	
129	2026522006	Nguyễn Văn	Bình	T20YDH3A	10		7.2						4.2	6.0	Sáu	
130	2026522017	Huỳnh Quốc	Dũng	T20YDH3A	10		6.5						3.1	0.0	Không	
131	2026522029	Nguyễn Văn	Hân	T20YDH3A	10		8.6						3.9	0.0	Không	
132	2026522052	Lê Trung	Khánh	T20YDH3A	10		7.6						5.7	6.9	Sáu Phẩy Chín	
133	2026522055	Trần Trọng	Kim	T20YDH3A	10		8.2						6.8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
134	2026522056	Lê Viết	Kính	T20YDH3A	10		7.4						6.2	7.1	Bảy Phẩy Một	
135	2026522069	Nguyễn Xuân	Lợi	T20YDH3A	10		8						7.9	8.2	Tám Phẩy Hai	
136	2026522087	Ngô Trí	Nguyên	T20YDH3A	1.1		6.2						6.7	5.7	Năm Phẩy Bảy	
137	2026522089	Ngô Ngọc	Nhã	T20YDH3A	2		7.6						7.3	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
138	2026522091	Trương Công	Nhân	T20YDH3A	7.7		7.6						5.8	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
139	2026522097	Hồ Văn	Phổ	T20YDH3A	10		6.5						5.3	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
140	2026522098	Trần Văn	Phong	T20YDH3A	10		7.6						3.6	0.0	Không	



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHÓA T20YDH A-B

MÔN: Sinh Học Đại Cương * SỐ TÍN CHỈ: 2

MÃ MÔN: BIO101

Học kỳ : 1

Thời gian: 18h00 - 17/01/2015

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
141	2026522099	Nguyễn Công Phú	T20YDH3A	10		7.2						4.8	6.3	Sáu Phẩy Ba		
142	2026522109	Triệu Văn Bảo Quốc	T20YDH3A	10		7.2						6	7.0	Bảy		
143	2026522115	Nguyễn Thành Sơn	T20YDH3A	6.7		7.2						5.8	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
144	2026522120	Hồ Hoàng Thắng	T20YDH3A	10		8						5.7	7.0	Bảy		
145	2026522127	Võ Nhật Thành	T20YDH3A	10		7.1						3.7	0.0	Không		
146	2026522153	Nguyễn Mạnh Toàn	T20YDH3A	10		7.2						5.8	6.9	Sáu Phẩy Chín		
147	2026522165	Võ Công Trí	T20YDH3A	10		7.6						7.1	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
148	2026522170	Trương Hữu Trung	T20YDH3A	10		7.8						6.4	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
149	2026522171	Đặng Duy Trường	T20YDH3A	6.7		6.1						6.3	6.3	Sáu Phẩy Ba		
150	2026522184	Phạm Văn Vinh	T20YDH3A	6.7		7.3						3.3	0.0	Không		
151	2026522196	Lê Hải Vinh	T20YDH3A	6.7		7.4						6.8	7.0	Bảy		
152	2026522202	Hoàng Phương Hải	T20YDH3A	0		0						0	0.0	Không		
153	2026522204	Cù Tất Long	T20YDH3A	6.7		8						5.6	6.5	Sáu Phẩy Năm		
154	2026522210	Trịnh Minh Phổ	T20YDH3A	10		7.5						5.7	6.9	Sáu Phẩy Chín		
155	2026522213	Tăng Văn Hoàng	T20YDH3A	7.7		7.9						5.6	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
156	2026522219	Hoàng Minh Tân	T20YDH3A	10		7.6						6.3	7.2	Bảy Phẩy Hai		
157	2027522008	Nguyễn Thị Ngọc Châu	T20YDH3A	10		8.7						6.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
158	2027522010	Phạm Thị Ánh Chuyên	T20YDH3A	10		8						7	7.8	Bảy Phẩy Tám		
159	2027522020	Mai Thị Xuân Duy	T20YDH3A	10		7.8						5.8	7.0	Bảy		
160	2027522036	Nguyễn Thị Hiếu	T20YDH3A	10		8						5.6	7.0	Bảy		
161	2027522038	Cù Thị Hồng Hoa	T20YDH3A	10		7.4						6.6	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
162	2027522043	Lê Thị Ngọc Hương	T20YDH3A	10		8						6.8	7.6	BảyPhẩy Sáu		
163	2027522048	Trần Thị Mỹ Huyền	T20YDH3A	3.4		7.3						6.4	6.2	Sáu Phẩy Hai		
164	2027522066	Nguyễn Thị Mỹ Linh	T20YDH3A	8.7		7						5.2	6.3	Sáu Phẩy Ba		
165	2027522072	Lê Thị Thu Mai	T20YDH3A	10		6.8						6.6	7.2	Bảy Phẩy Hai		
166	2027522076	Nguyễn Nữ Mai Na	T20YDH3A	10		7.1						5.2	6.5	Sáu Phẩy Năm		
167	2027522078	Lê Thị Thúy Nga	T20YDH3A	8.7		8.1						7.8	8.0	Tám		
168	2027522080	Nguyễn Thị Ngọc Nga	T20YDH3A	10		7.3						6.7	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
169	2027522083	Vũ Thị Kiều Nga	T20YDH3A	8.7		7.2						6.1	6.8	Sáu Phẩy Tám		
170	2027522090	Huỳnh Nguyễn Hạnh Nhân	T20YDH3A	6.7		7.3						5.2	6.1	Sáu Phẩy Một		
171	2027522103	Nguyễn Thị Thanh Phương	T20YDH3A	10		6.9						5.6	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
172	2027522111	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	T20YDH3A	10		7.7						5.9	7.1	Bảy Phẩy Một		
173	2027522112	Nguyễn Thị Sim	T20YDH3A	10		6.9						6.4	7.1	Bảy Phẩy Một		
174	2027522128	Lê Phương Thảo	T20YDH3A	10		8.2						8.6	8.7	Tám Phẩy Bảy		
175	2027522132	Lê Phương Thảo	T20YDH3A	2.1		7.3						3.6	0.0	Không		



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHÓA T20YDH A-B

MÔN: Sinh Học Đại Cương * SỐ TÍN CHỈ: 2

MÃ MÔN: BIO101

Học kỳ : 1

Thời gian: 18h00 - 17/01/2015

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
176	2027522135	Trần Thị Kim	Thi	T20YDH3A	10		7.2						6.3	7.1	Bảy Phẩy Một	
177	2027522149	Trần Thị Hoàng	Thy	T20YDH3A	10		8.4						5.1	6.8	Sáu Phẩy Tám	
178	2027522157	Lang Ngọc	Trâm	T20YDH3A	10		6.8						5.7	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
179	2027522159	Phan Thị Huyền	Trang	T20YDH3A	3.4		7.4						4.9	5.4	Năm Phẩy Bốn	
180	2027522161	Nguyễn Thị	Trang	T20YDH3A	10		8.1						6.7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
181	2027522162	Bùi Thị Thùy	Trang	T20YDH3A	10		7						5.4	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
182	2027522163	Nguyễn Thị Thùy	Trang	T20YDH3A	10		7.6						4.8	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
183	2027522164	Phan Thị	Trang	T20YDH3A	3.4		7.7						2.4	0.0	Không	
184	2027522167	Võ Thị Thùy	Trinh	T20YDH3A	10		7.5						3.6	0.0	Không	
185	2027522169	Hồ Nữ Hạnh	Trinh	T20YDH3A	3.4		7.5						6.4	6.3	Sáu Phẩy Ba	
186	2027522179	Hà Thị Thu	Vân	T20YDH3A	10		8.5						8.7	8.8	Tám Phẩy Tám	
187	2027522197	Trần Thị Hương	Nhi	T20YDH3A	8.7		7.2						4	5.7	Năm Phẩy Bảy	
188	2027522198	Hoàng Thị Trang	Anh	T20YDH3A	8.7		8						5	6.5	Sáu Phẩy Năm	
189	2027522200	Nguyễn Thị Tường	Sa	T20YDH3A	10		7.8						6	7.1	Bảy Phẩy Một	
190	2027522203	Đinh Thị	Hằng	T20YDH3A	10		7.3						4.2	6.0	Sáu	
191	2027522218	Nguyễn Thị	Hòa	T20YDH3A	3.4		7.4						4.4	5.2	Năm Phẩy Hai	
192	1926522032	Đặng Thị Thùy	Dung	T20YDHB	8		8.5						9.2	8.8	Tám Phẩy Tám	
193	1926522215	Huỳnh Thị	Việt	T20YDHB	8.5		9						8.7	8.8	Tám Phẩy Tám	
194	2020522806	Mai	Hương	T20YDHB	8		8.5						9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
195	2026522007	Võ Nhật	Bộ	T20YDHB	8.5		9						8.7	8.8	Tám Phẩy Tám	
196	2026522039	Nguyễn Như	Hoàn	T20YDHB	8		8						7.2	7.6	BảyPhẩy Sáu	
197	2026522063	Nguyễn Trần Hoài	Linh	T20YDHB	8		8						8.7	8.4	Tám Phẩy Bốn	
198	2026522123	Lê Chí	Thành	T20YDHB	8		8						8.8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
199	2026522125	Nguyễn Chí	Thành	T20YDHB	8		8						4.3	6.0	Sáu	
200	2026522134	Hồ Vỹ	Thế	T20YDHB	8		8.5						8.9	8.6	Tám Phẩy Sáu	
201	2026522137	Mai Huỳnh Quốc	Thống	T20YDHB	8.5		8						7.3	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
202	2026522209	Lê Nguyên	Vũ	T20YDHB	8		8.5						6.3	7.2	Bảy Phẩy Hai	
203	2027522027	Lê Thị Ngọc	Hải	T20YDHB	8		8						6.9	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
204	2027522034	Nguyễn Thị Minh	Hảo	T20YDHB	8.5		8						6.9	7.5	Bảy Phẩy Năm	
205	2027522065	Nguyễn Thị Thùy	Linh	T20YDHB	8.5		8.5						6.7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
206	2027522068	Huỳnh Thị	Lợi	T20YDHB	8.5		8						7.4	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
207	2027522085	Nguyễn Thị Kim	Ngân	T20YDHB	8.5		8						7.7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
208	2027522144	Võ Thị	Thúy	T20YDHB	8.5		8						5.7	6.8	Sáu Phẩy Tám	
209	2027522146	Nguyễn Thị Diệu	Thủy	T20YDHB	8.5		8.5						6.8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
210	2027522147	Lê Ngọc	Thủy	T20YDHB	8.5		8						7.4	7.7	Bảy Phẩy Bảy	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP									ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ	
211	2027522158	Võ Thị Thùy Trâm	T20YDHB	8		8						7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
212	2027522178	Nguyễn Thị Phương Uyên	T20YDHB	8.5		8						6.1	7.0	Bảy	
213	2027522182	Nguyễn Thị Hoàng Vân	T20YDHB	8		8						6.9	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
214	2027522187	Phan Thị Kim Chi	T20YDHB	8		8						7	7.5	Bảy Phẩy Năm	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	189	88%	
2	Số sinh viên nợ	25	12%	
TỔNG CỘNG :		214	100%	

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA
(Ký ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, 05/02/2015
P. ĐÀO TẠO ĐH & SDH

Lưu Ngọc Tín

ThS. Nguyễn Ân